



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VỆ

Số tiền bảo hiểm **1.000.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **27.000.000 đồng/năm**

BẢO VỆ TẤT CẢ GIAI ĐOẠN CỦA BỆNH UNG THƯ

Nhận trước **300.000.000 đồng** cho Ung thư giai đoạn sớm hoặc Ung thư biểu mô tại chỗ.



Nhận tối thiểu **1.000.000.000 đồng** cho Ung thư nghiêm trọng.

Nhận thêm **1.000.000.000 đồng** cho Ung thư nghiêm trọng mở rộng.

BẢO VỆ TRƯỚC 68 BỆNH HIỂM NGHÈO

Nhận trước **300.000.000 đồng** cho Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm.



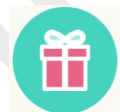
Nhận tối thiểu **1.000.000.000 đồng** cho Bệnh hiểm nghèo giai đoạn nghiêm trọng.

AN TÂM ĐIỀU TRỊ TẠI PHÒNG CHĂM SÓC ĐẶC BIỆT



Nhận thêm **300.000.000 đồng** khi điều trị liên tục 5 ngày trở lên tại Phòng Chăm sóc đặc biệt với nguyên nhân đến từ các loại bệnh và tai nạn.

BẢO VỆ TRỌN VỆ



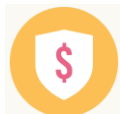
Nhận hỗ trợ duy trì hiệu lực hợp đồng **54.000.000 đồng** khi được chẩn đoán Ung thư giai đoạn sớm, Ung thư biểu mô tại chỗ và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm.

Nhận **5.000.000 đồng** cho mỗi 5 Năm hợp đồng để hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư.



Nhận tối thiểu **1.000.000.000 đồng** khi tử vong hoặc tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn.

THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



Nhận khoản thưởng duy trì đóng phí **5% giá trị tài khoản cơ bản** vào ngày cuối cùng của Năm hợp đồng thứ 5, 10, 15 và 20.



Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.



Linh hoạt rút tiền trong suốt thời hạn hợp đồng và **linh hoạt đóng phí** từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	Nguyễn Văn Nam	Nam	30	Văn Phòng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm	Đơn vị: đồng			
									Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
<i>Sản phẩm chính</i> Bảo hiểm Liên kết chung Khỏe Trọn Vẹn	Nguyễn Văn Nam	30	Nam	Văn Phòng	70	70	1.000.000.000	27.000.000				
<i>Sản phẩm bổ sung</i> --- Không có sản phẩm bổ sung --- <i>Tổng phí sản phẩm bổ sung</i>												
(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ									27.000.000	13.500.000	6.750.000	3.375.000
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ									-	-	-	-
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính									-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ									27.000.000	13.500.000	6.750.000	3.375.000

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 21
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Lưu ý:

- Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ, (ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ (nếu có), (iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính sẽ được tính là Phí đóng thêm nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính của Năm hợp đồng hiện hành và tất cả khoản phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có), được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó.
- Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính bằng thời hạn bảo hiểm. Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, hợp đồng sẽ được đảm bảo không mất hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm. Việc lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ có thể được thực hiện từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm. Khách hàng cần đóng phí đầy đủ và đúng hạn để duy trì hiệu lực của hợp đồng, nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí và gia tăng giá trị tài khoản hợp đồng (GTTK).
- Sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có tham gia): Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung có thể thay đổi hàng năm theo tuổi của người được bảo hiểm, do đó phí bảo hiểm hàng năm cũng có thể thay đổi. Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung cần được đóng đầy đủ. Nếu khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung thì phần phí này sẽ được rút từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm chính từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi để đóng phí. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung và khách hàng không đóng phí của sản phẩm bổ sung trong thời hạn gia hạn, sản phẩm bổ sung sẽ mất hiệu lực.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																		
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN																			
Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu đóng thêm vào tài khoản của khách hàng như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm hợp đồng</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6 đến 10</th> <th>11 đến 15</th> <th>16+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td> <td>3,5%</td> <td>3,0%</td> <td>3,0%</td> <td>2,0%</td> <td>2,0%</td> <td>1,5%</td> <td>1,0%</td> <td>0,5%</td> </tr> </tbody> </table> Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn. 	Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11 đến 15	16+	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%	0,5%
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11 đến 15	16+											
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%	0,5%											
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận GTTK tính đến ngày đáo hạn trong trường hợp HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào ngày đáo hạn. 																		
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận 5% GTTK cơ bản vào ngày cuối cùng của Năm hợp đồng thứ 5, 10, 15 và 20 với điều kiện trong thời hạn hợp đồng: <ol style="list-style-type: none"> Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; và Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng. 																		
BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)																			
Bệnh ung thư	<ul style="list-style-type: none"> Ung thư giai đoạn sớm: nhận trước 300.000.000 đồng. Ung thư biểu mô tại chỗ: nhận trước 300.000.000 đồng. Ung thư nghiêm trọng: nhận số tiền cao hơn giữa 1.000.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản; cộng với giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có); trừ đi quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo đã được chi trả (nếu có). Ung thư nghiêm trọng mở rộng: nhận thêm 1.000.000.000 đồng với điều kiện NDBH được chẩn đoán Ung thư nghiêm trọng sau hai năm kể từ ngày có chẩn đoán Ung thư nghiêm trọng trước đó, trước khi đạt 85 tuổi hoặc từ ngày đạt 85 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp. 																		
Bệnh hiểm nghèo	<ul style="list-style-type: none"> 1 trong 23 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm: nhận 300.000.000 đồng. 1 trong 45 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn nghiêm trọng: nhận số tiền cao hơn giữa 1.000.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản; cộng với giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có); trừ đi quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo đã được chi trả (nếu có). 																		

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 21
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Điều trị tại Phòng Chăm sóc đặc biệt	<ul style="list-style-type: none">Điều trị liên tục từ 5 ngày trở lên tại Phòng Chăm sóc đặc biệt (điều kiện áp dụng): nhận thêm 300.000.000 đồng, với điều kiện NĐBH trước khi đạt 85 tuổi hoặc từ ngày đạt 85 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp tại thời điểm bắt đầu điều trị tại Phòng Chăm sóc đặc biệt.Quyền lợi này chỉ được chi trả duy nhất một lần trong thời hạn hợp đồng.
Hỗ trợ duy trì hiệu lực hợp đồng	<ul style="list-style-type: none">Khi được chẩn đoán Ung thư giai đoạn sớm, Ung thư biểu mô tại chỗ và 1 trong 23 bệnh thuộc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm, nhận 54.000.000 đồng tương đương 2 năm phí bảo hiểm.Quyền lợi này chỉ được chi trả duy nhất một lần trong thời hạn hợp đồng.
Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Nhận 5.000.000 đồng tại ngày cuối cùng của mỗi chu kỳ 5 Năm hợp đồng, đây là khoản Công Ty hỗ trợ nhằm mục đích khuyến khích thực hiện việc tầm soát Bệnh ung thư theo chỉ định của Bác sĩ, với điều kiện trong thời hạn hợp đồng: <ul style="list-style-type: none">a. Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính được duy trì tối thiểu là 1 tỷ đồng; vàb. Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; vàc. Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng.
Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận số tiền cao hơn giữa 1.000.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản; cộng với giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có); trừ đi quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo đã được chi trả (nếu có).
Tử vong	Nhận số tiền cao hơn giữa 1.000.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản; cộng với giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có); trừ đi quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo đã được chi trả (nếu có).
QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	
Thay đổi STBH	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi đạt 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thẩm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm.
Thay đổi phí bảo hiểm	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm phí bảo hiểm cơ bản kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi nếu đáp ứng các điều kiện quy định của Công ty tại từng thời điểm.
Rút tiền từ Giá trị tài khoản	<ul style="list-style-type: none">GTTK cơ bản: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.GTTK đóng thêm: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 100% bất kỳ lúc nào.Số tiền rút mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Công Ty quy định tại từng thời điểm và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



Danh sách các Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo

Bệnh ung thư: Ung thư giai đoạn sớm | Ung thư biểu mô tại chỗ | Ung thư nghiêm trọng | Ung thư nghiêm trọng mở rộng

	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm (23 bệnh)		Bệnh hiểm nghèo giai đoạn nghiêm trọng (45 bệnh)	
Hệ tim mạch	1. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành xâm lấn tối thiểu 2. Thủ thuật can thiệp mạch vành qua da 3. Đặt máy tạo nhịp tim hoặc máy khử rung tim	4. Nong và đặt stent động mạch cảnh 5. Điều trị bệnh van tim ít xâm lấn 6. Đặt màng lọc tĩnh mạch chủ	1. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 2. Nhồi máu cơ tim 3. Bệnh cơ tim nặng	4. Phẫu thuật van tim 5. Phẫu thuật động mạch chủ 6. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát
Hệ thần kinh	7. Hôn mê kéo dài ít nhất 48 giờ 8. Phẫu thuật dẫn lưu não thất 9. Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến yên 10. Tổn thương não		7. Hôn mê kéo dài ít nhất 96 giờ 8. Đột quy 9. U não lành tính 10. Chấn thương đầu nặng 11. Phẫu thuật não hở 12. Bệnh Alzheimer hoặc Sa sút trí tuệ 13. Bệnh tế bào thần kinh vận động	14. Bệnh xơ cứng rải rác 15. Viêm não nặng do vi rút 16. Viêm màng não do vi khuẩn 17. Bệnh Parkinson nặng 18. Bại liệt
Hệ tiêu hóa – gan mật	11. Ghép ruột non 12. Phẫu thuật gan	13. Xơ gan do viêm gan siêu vi	19. Suy gan mạn 20. Viêm gan siêu vi tối cấp	21. Viêm tụy mạn tính tái phát
Hệ hô hấp - tiết niệu	14. Phẫu thuật cắt bỏ một bên phổi 15. Bệnh thận		22. Bệnh phổi mạn tính	23. Suy thận
Hệ huyết học – miễn dịch	16. Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống ít nghiêm trọng 17. Thiếu máu bất sản tạm thời		24. Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống 25. Thiếu máu bất sản	26. Ghép tủy xương
Các bệnh lý nghiêm trọng khác	18. Ghép giác mạc 19. Mất thị lực một mắt 20. Mất thính lực một tai 21. Bồng mức độ nhẹ	22. Liệt một chi 23. Phẫu thuật phục hồi khuôn mặt bị tổn thương do tai nạn	27. Ghép tạng 28. Bồng nặng 29. Mất khả năng sống độc lập 30. Nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp	31. Loạn dưỡng cơ 32. Mất thính lực 33. Mất khả năng phát âm 34. Bệnh giai đoạn cuối
Nhóm bệnh áp dụng trước khi đạt 18 tuổi hoặc từ ngày đạt 18 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp.			35. Bệnh Still 36. Bệnh Hemophilia nặng 37. Bệnh thấp tim 38. Bệnh xương thủy tinh 39. Tiểu đường tuýp 1 (Tiểu đường phụ thuộc Insulin) 40. Bệnh Kawasaki có biến chứng tim	41. Viêm cầu thận có hội chứng thận hư 42. Bệnh tay chân miệng nặng 43. Bệnh Wilson 44. Uốn ván thể toàn thân 45. Trạng thái động kinh

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
Chi phí bảo hiểm rủi ro	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
Chi phí ban đầu	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table border="1"><thead><tr><th>Năm đóng phí</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4+</th></tr></thead><tbody><tr><td>Phí bảo hiểm cơ bản</td><td>85%</td><td>80%</td><td>35%</td><td>0%</td></tr><tr><td>Phí đóng thêm</td><td colspan="4">0%</td></tr></tbody></table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHD)	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table border="1"><thead><tr><th>Năm dương lịch</th><th>2022 - 2024</th><th>2025 - 2029</th><th>2030 - 2034</th><th>Từ năm 2035 trở đi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td><td>30</td><td>40</td><td>50</td><td>60</td></tr></tbody></table>	Năm dương lịch	2022 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2022 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
Chi phí quản lý quỹ	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
Chi phí hủy bỏ hợp đồng	Không có															
Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản	Không có															

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày ghi lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 21
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	30	27.000			23.310	2.653	1.000.000			1.122		1.122
2	31	27.000			21.960	2.706	1.000.000			3.602		3.602
3	32	27.000			9.810	2.793	1.000.000			18.583		18.583
4	33	27.000			360	2.934	1.000.000			43.165		43.165
5	34	27.000			480	3.091	1.005.000	5.000	3.398	71.357	5.000	76.357
6	35	27.000			480	3.223	1.005.075			96.100	5.075	101.175
7	36	27.000			480	3.213	1.005.151			121.224	5.151	126.375
8	37	27.000			480	3.376	1.005.228			146.560	5.228	151.788
9	38	27.000			480	3.540	1.005.307			172.110	5.307	177.417
10	39	27.000			600	3.735	1.010.386	5.000	9.886	207.613	10.386	217.999
11	40	27.000			600	3.863	1.010.490			232.472	10.490	242.963
12	41	27.000			600	4.049	1.010.595			257.393	10.595	267.988
13	42	27.000			600	4.235	1.010.701			282.376	10.701	293.077
14	43	27.000			600	4.412	1.010.808			307.430	10.808	318.239
15	44	27.000			720	4.659	1.015.916	5.000	16.618	348.985	15.916	364.901
16	45	27.000			720	4.737	1.015.996			372.393	15.996	388.389
17	46	27.000			720	4.976	1.016.076			395.679	16.076	411.755
18	47	27.000			720	5.369	1.016.156			418.687	16.156	434.843
19	48	27.000			720	5.708	1.016.237			441.470	16.237	457.707
20	49	27.000			720	6.003	1.021.318	5.000	23.204	487.275	21.318	508.593

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
21	50	27.000			720	6.337	1.021.425			509.770	21.425	531.195
22	51	27.000			720	6.740	1.021.532			531.974	21.532	553.506
23	52	27.000			720	7.398	1.021.640			553.629	21.640	575.268
24	53	27.000			720	7.914	1.021.748			574.875	21.748	596.623
25	54	27.000			720	8.364	1.026.856	5.000		595.776	26.856	622.632
26	55	27.000			720	9.229	1.026.991			615.914	26.991	642.904
27	56	27.000			720	9.659	1.027.126			635.721	27.126	662.847
28	57	27.000			720	10.228	1.027.261			655.057	27.261	682.318
29	58	27.000			720	10.538	1.027.398			674.178	27.398	701.576
30	59	27.000			720	10.490	1.032.535	5.000		693.444	32.535	725.978
31	60	27.000			720	10.805	1.032.697			712.489	32.697	745.187
32	61	27.000			720	10.814	1.032.861			731.621	32.861	764.482
33	62	27.000			720	10.778	1.033.025			750.886	33.025	783.911
34	63	27.000			720	11.017	1.033.190			770.007	33.190	803.197
35	64	27.000			720	11.117	1.038.356	5.000		789.123	38.356	827.480
36	65	27.000			720	10.843	1.038.548			808.610	38.548	847.158
37	66	27.000			720	10.892	1.038.741			828.144	38.741	866.885
38	67	27.000			720	9.839	1.038.934			848.833	38.934	887.768
39	68	27.000			720	8.549	1.039.129			870.918	39.129	910.047
40	69	27.000			720	7.830	1.044.325	5.000		893.834	44.325	938.159

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
41	70	27.000			720	5.699	1.044.546			919.002	44.546	963.549
42	71	27.000			720	4.598	1.044.769			945.399	44.769	990.169
43	72	27.000			720	2.463	1.044.993			974.070	44.993	1.019.063
44	73	27.000			720		1.050.571			1.005.354	45.218	1.050.571
45	74	27.000			720		1.087.237	5.000		1.036.793	50.444	1.087.237
46	75	27.000			720		1.119.087			1.068.390	50.696	1.119.087
47	76	27.000			720		1.151.095			1.100.145	50.950	1.151.095
48	77	27.000			720		1.183.264			1.132.059	51.204	1.183.264
49	78	27.000			720		1.215.593			1.164.133	51.460	1.215.593
50	79	27.000			720		1.253.084	5.000		1.196.366	56.718	1.253.084
51	80	27.000			720		1.285.762			1.228.761	57.001	1.285.762
52	81	27.000			720		1.318.604			1.261.318	57.286	1.318.604
53	82	27.000			720		1.351.610			1.294.038	57.573	1.351.610
54	83	27.000			720		1.384.781			1.326.921	57.861	1.384.781
55	84	27.000			720		1.423.118	5.000		1.359.969	63.150	1.423.118
56	85	27.000			720		1.456.647			1.393.181	63.466	1.456.647
57	86	27.000			720		1.490.343			1.426.560	63.783	1.490.343
58	87	27.000			720		1.524.208			1.460.106	64.102	1.524.208
59	88	27.000			720		1.558.242			1.493.820	64.422	1.558.242
60	89	27.000			720		1.597.446	5.000		1.527.702	69.745	1.597.446

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
61	90	27.000			720		1.631.847			1.561.754	70.093	1.631.847
62	91	27.000			720		1.666.419			1.595.975	70.444	1.666.419
63	92	27.000			720		1.701.164			1.630.368	70.796	1.701.164
64	93	27.000			720		1.736.083			1.664.933	71.150	1.736.083
65	94	27.000			720		1.776.177	5.000		1.699.671	76.506	1.776.177
66	95	27.000			720		1.811.470			1.734.582	76.888	1.811.470
67	96	27.000			720		1.846.941			1.769.668	77.273	1.846.941
68	97	27.000			720		1.882.589			1.804.930	77.659	1.882.589
69	98	27.000			720		1.918.415			1.840.367	78.047	1.918.415
70	99	27.000			720		1.959.420	5.000		1.875.982	83.438	1.959.420

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,5%/năm						
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	
1	30	27.000			23.310	2.653	1.000.000				1.122		1.122
2	31	27.000			21.960	2.706	1.000.000				3.627		3.627
3	32	27.000			9.810	2.793	1.000.000				18.705		18.705
4	33	27.000			360	2.932	1.000.000				43.951		43.951
5	34	27.000			480	3.086	1.005.000	5.000	3.490		73.291	5.000	78.291
6	35	27.000			480	3.213	1.005.175				100.039	5.175	105.214
7	36	27.000			480	3.194	1.005.356				127.742	5.356	133.098
8	37	27.000			480	3.345	1.005.544				156.261	5.544	161.804
9	38	27.000			480	3.491	1.005.738				185.629	5.738	191.366
10	39	27.000			600	3.663	1.010.938	5.000	10.786		226.514	10.938	237.452
11	40	27.000			600	3.752	1.011.321				257.952	11.321	269.274
12	41	27.000			600	3.891	1.011.718				290.350	11.718	302.068
13	42	27.000			600	4.018	1.012.128				323.753	12.128	335.880
14	43	27.000			600	4.121	1.012.552				358.219	12.552	370.771
15	44	27.000			720	4.271	1.017.991	5.000	19.681		413.297	17.991	431.288
16	45	27.000			720	4.202	1.018.621				450.693	18.621	469.314
17	46	27.000			720	4.271	1.019.273				489.327	19.273	508.599
18	47	27.000			720	4.430	1.019.947				529.150	19.947	549.098
19	48	27.000			720	4.488	1.020.646				570.308	20.646	590.954

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	49	27.000			720	4.451	1.026.368	5.000	30.647	643.593	26.368	669.961
21	50	27.000			720	4.171	1.027.291			689.080	27.291	716.371
22	51	27.000			720	3.979	1.028.246			736.354	28.246	764.601
23	52	27.000			720	3.781	1.029.235			785.485	29.235	814.720
24	53	27.000			720	3.310	1.030.258			836.815	30.258	867.073
25	54	27.000			720	2.588	1.036.317	5.000		890.677	36.317	926.994
26	55	27.000			720	1.672	1.037.588			947.356	37.588	984.944
27	56	27.000			720	301	1.046.320			1.007.416	38.904	1.046.320
28	57	27.000			720		1.110.152			1.069.887	40.265	1.110.152
29	58	27.000			720		1.176.219			1.134.544	41.675	1.176.219
30	59	27.000			720		1.249.598	5.000		1.201.465	48.133	1.249.598
31	60	27.000			720		1.320.545			1.270.727	49.818	1.320.545
32	61	27.000			720		1.393.976			1.342.414	51.562	1.393.976
33	62	27.000			720		1.469.976			1.416.610	53.366	1.469.976
34	63	27.000			720		1.548.637			1.493.403	55.234	1.548.637
35	64	27.000			720		1.635.051	5.000		1.572.883	62.167	1.635.051
36	65	27.000			720		1.719.489			1.655.146	64.343	1.719.489
37	66	27.000			720		1.806.882			1.740.287	66.595	1.806.882
38	67	27.000			720		1.897.335			1.828.409	68.926	1.897.335
39	68	27.000			720		1.990.953			1.919.614	71.338	1.990.953

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 21

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
40	69	27.000			720		2.092.848	5.000		2.014.012	78.835	2.092.848
41	70	27.000			720		2.193.309			2.111.714	81.594	2.193.309
42	71	27.000			720		2.297.286			2.212.836	84.450	2.297.286
43	72	27.000			720		2.404.902			2.317.496	87.406	2.404.902
44	73	27.000			720		2.516.285			2.425.820	90.465	2.516.285
45	74	27.000			720		2.636.567	5.000		2.537.935	98.632	2.636.567
46	75	27.000			720		2.756.058			2.653.974	102.084	2.756.058
47	76	27.000			720		2.879.732			2.774.075	105.657	2.879.732
48	77	27.000			720		3.007.734			2.898.379	109.355	3.007.734
49	78	27.000			720		3.140.216			3.027.034	113.182	3.140.216
50	79	27.000			720		3.282.335	5.000		3.160.191	122.143	3.282.335
51	80	27.000			720		3.424.428			3.298.009	126.418	3.424.428
52	81	27.000			720		3.571.494			3.440.651	130.843	3.571.494
53	82	27.000			720		3.723.708			3.588.285	135.423	3.723.708
54	83	27.000			720		3.881.249			3.741.087	140.162	3.881.249
55	84	27.000			720		4.049.304	5.000		3.899.236	150.068	4.049.304
56	85	27.000			720		4.218.241			4.062.921	155.320	4.218.241
57	86	27.000			720		4.393.091			4.232.335	160.757	4.393.091
58	87	27.000			720		4.574.061			4.407.678	166.383	4.574.061
59	88	27.000			720		4.761.364			4.589.158	172.206	4.761.364

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
60	89	27.000			720		4.960.223	5.000		4.776.990	183.234	4.960.223
61	90	27.000			720		5.161.043			4.971.396	189.647	5.161.043
62	91	27.000			720		5.368.891			5.172.606	196.285	5.368.891
63	92	27.000			720		5.584.013			5.380.859	203.154	5.584.013
64	93	27.000			720		5.806.665			5.596.400	210.265	5.806.665
65	94	27.000			720		6.042.110	5.000		5.819.486	222.624	6.042.110
66	95	27.000			720		6.280.795			6.050.379	230.416	6.280.795
67	96	27.000			720		6.527.834			6.289.354	238.481	6.527.834
68	97	27.000			720		6.783.520			6.536.693	246.827	6.783.520
69	98	27.000			720		7.048.155			6.792.688	255.466	7.048.155
70	99	27.000			720		7.327.051	5.000		7.057.644	269.408	7.327.051

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	30	27.000			23.310	2.653	1.000.000			1.159		1.159
2	31	27.000			21.960	2.706	1.000.000			3.739		3.739
3	32	27.000			9.810	2.792	1.000.000			19.116		19.116
4	33	27.000			360	2.930	1.000.000			45.043		45.043
5	34	27.000			480	3.081	1.005.000	5.000	3.599	75.588	5.000	80.588
6	35	27.000			480	3.202	1.005.250			103.937	5.250	109.187
7	36	27.000			480	3.176	1.005.513			133.729	5.513	139.242
8	37	27.000			480	3.316	1.005.788			164.867	5.788	170.655
9	38	27.000			480	3.448	1.006.078			197.427	6.078	203.504
10	39	27.000			600	3.600	1.011.381	5.000	11.567	242.902	11.381	254.284
11	40	27.000			600	3.659	1.011.950			279.023	11.950	290.974
12	41	27.000			600	3.763	1.012.548			316.845	12.548	329.393
13	42	27.000			600	3.844	1.013.175			356.473	13.175	369.648
14	43	27.000			600	3.892	1.013.834			398.034	13.834	411.868
15	44	27.000			720	3.967	1.019.526	5.000	22.074	463.545	19.526	483.071
16	45	27.000			720	3.789	1.020.502			510.442	20.502	530.944
17	46	27.000			720	3.738	1.021.527			559.736	21.527	581.263
18	47	27.000			720	3.727	1.022.604			611.505	22.604	634.108
19	48	27.000			720	3.582	1.023.734			666.011	23.734	689.745
20	49	27.000			720	3.299	1.029.921	5.000	36.177	759.711	29.921	789.631

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 21

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
21	50	27.000			720	2.560	1.031.417			822.676	31.417	854.093
22	51	27.000			720	1.917	1.032.987			889.450	32.987	922.438
23	52	27.000			720	1.062	1.034.637			960.440	34.637	995.076
24	53	27.000			720	42	1.072.397			1.036.029	36.369	1.072.397
25	54	27.000			720		1.158.628	5.000		1.115.441	43.187	1.158.628
26	55	27.000			720		1.244.170			1.198.823	45.346	1.244.170
27	56	27.000			720		1.333.989			1.286.375	47.614	1.333.989
28	57	27.000			720		1.428.299			1.378.304	49.994	1.428.299
29	58	27.000			720		1.527.324			1.474.830	52.494	1.527.324
30	59	27.000			720		1.636.301	5.000		1.576.182	60.119	1.636.301
31	60	27.000			720		1.745.727			1.682.602	63.125	1.745.727
32	61	27.000			720		1.860.624			1.794.343	66.281	1.860.624
33	62	27.000			720		1.981.266			1.911.671	69.595	1.981.266
34	63	27.000			720		2.107.940			2.034.865	73.075	2.107.940
35	64	27.000			720		2.245.947	5.000		2.164.219	81.728	2.245.947
36	65	27.000			720		2.385.855			2.300.040	85.815	2.385.855
37	66	27.000			720		2.532.759			2.442.653	90.106	2.532.759
38	67	27.000			720		2.687.007			2.592.396	94.611	2.687.007
39	68	27.000			720		2.848.968			2.749.627	99.341	2.848.968
40	69	27.000			720		3.024.027	5.000		2.914.719	109.309	3.024.027

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
41	70	27.000			720		3.202.840			3.088.066	114.774	3.202.840
42	71	27.000			720		3.390.592			3.270.079	120.513	3.390.592
43	72	27.000			720		3.587.732			3.461.194	126.538	3.587.732
44	73	27.000			720		3.794.730			3.661.864	132.865	3.794.730
45	74	27.000			720		4.017.077	5.000		3.872.568	144.509	4.017.077
46	75	27.000			720		4.245.541			4.093.807	151.734	4.245.541
47	76	27.000			720		4.485.429			4.326.108	159.321	4.485.429
48	77	27.000			720		4.737.311			4.570.024	167.287	4.737.311
49	78	27.000			720		5.001.787			4.826.136	175.651	5.001.787
50	79	27.000			720		5.284.487	5.000		5.095.054	189.434	5.284.487
51	80	27.000			720		5.576.322			5.377.417	198.905	5.576.322
52	81	27.000			720		5.882.749			5.673.899	208.850	5.882.749
53	82	27.000			720		6.204.497			5.985.204	219.293	6.204.497
54	83	27.000			720		6.542.333			6.312.075	230.258	6.542.333
55	84	27.000			720		6.902.060	5.000		6.655.289	246.771	6.902.060
56	85	27.000			720		7.274.774			7.015.664	259.109	7.274.774
57	86	27.000			720		7.666.123			7.394.058	272.065	7.666.123
58	87	27.000			720		8.077.040			7.791.372	285.668	8.077.040
59	88	27.000			720		8.508.502			8.208.551	299.951	8.508.502
60	89	27.000			720		8.966.538	5.000		8.646.589	319.949	8.966.538

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
61	90	27.000			720		9.442.476			9.106.529	335.946	9.442.476
62	91	27.000			720		9.942.210			9.589.467	352.743	9.942.210
63	92	27.000			720		10.466.931			10.096.551	370.381	10.466.931
64	93	27.000			720		11.017.888			10.628.989	388.900	11.017.888
65	94	27.000			720		11.601.393	5.000		11.188.049	413.345	11.601.393
66	95	27.000			720		12.209.074			11.775.062	434.012	12.209.074
67	96	27.000			720		12.847.138			12.391.426	455.712	12.847.138
68	97	27.000			720		13.517.106			13.038.608	478.498	13.517.106
69	98	27.000			720		14.220.572			13.718.149	502.423	14.220.572
70	99	27.000			720		14.964.211	5.000		14.431.667	532.544	14.964.211

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Lưu ý chung:

- Với mức phí bảo hiểm mà Khách hàng dự kiến tham gia, STBH có thể dao động linh hoạt phụ thuộc vào hệ số bảo hiểm tối thiểu, tối đa theo độ tuổi của NDBH. Theo đó, với lựa chọn tối đa STBH thì phí bảo hiểm rủi ro có xu hướng tăng lên, tác động giảm GTTK hợp đồng, ảnh hưởng đến yếu tố tích lũy, cũng như thời gian duy trì hiệu lực hợp đồng. Vì sản phẩm bảo hiểm là một cam kết dài hạn và nhằm mục đích cân bằng giữa nhu cầu bảo vệ và tích lũy cũng như khả năng đóng phí, Khách hàng có thể yêu cầu Đại lý/Tư vấn viên minh họa thời gian dự kiến đóng phí khác nhau (ví dụ 10, 15, 20 năm hoặc tùy theo khả năng) với STBH mong muốn để có thông tin về GTTK hợp đồng, thời gian duy trì hiệu lực hợp đồng tại các mức lãi suất minh họa, từ đó cân nhắc và có sự điều chỉnh phù hợp với mục tiêu bảo vệ, tích lũy.*
- Giá trị tài khoản đóng thêm, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì đóng phí được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.*
- (* Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.*
- Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.*
- Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chi mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.*
- Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.*
- Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.*

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 21

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung Khỏe Trọn Vẹn** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất đóng thêm vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu trong những năm hợp đồng đầu tiên lần lượt là 2,5%/năm; 2,0%/năm; 1,5%/năm và bằng 1,0% từ năm hợp đồng thứ 4 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo.
- Tham gia Hợp đồng **Bảo hiểm Liên kết chung Khỏe Trọn Vẹn** là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi phí bảo hiểm cơ bản sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung Khỏe Trọn Vẹn** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 21

Phiên bản

Dãy số kiểm tra